



QUALIFYING SINGLES

1	1	NZL VENUS, Michael [1]	M. VENUS [1]			
2		BYE				
3	WC	CHN GUO, Tian jia	M. JORQUERA			
4	*	ITA JORQUERA, Manuel	61 61			
5						
6	*	CHN LIN, Kai-Jie	Z. LI			
7		CHN LI, Zhe	60 61			
8	*	CHN ZHU, Zhi Cheng	C. GRASSI [6]			
9			62 64			
10		BYE				
11	WC	CHN CHEN, Chun Yu	R. WANG			
12		CHN WANG, Ruikai	60 61			
13	WC	CHN WANG, Hao Ran	J. ZHU			
14	*	CHN ZHU, Jiacheng	60 62			
15						
16	WC	CHN GAO, Jun tong	M. GONG [8]			
17		8 CHN GONG, Mao-Xin [8]	60 63			
18	*	IRL SORENSEN, Louk [3]	L. SORENSEN [3]			
19		HKG LI, Hei Yin Andrew	62 75			
20	*	CHN ZHANG, Zhuo	Z. ZHANG			
21		CHN WANG, Zhao Yang	61 61			
22		BYE				
23	WC	CHN XIA, Hai tong	H. XIA			
24						
25						
26	7	CHN HE, Yecong	R. ROELOFSE [7]			
27		RSA ROELOFSE, Ruan [7]	75 63			
28	4	JPN MATSUI, Toshihide [4]	T. MATSUI [4]			
29		TPE PENG, Hsien-Yin	76(4) 64			
30						
31		CHN CAI, Zhao	J. LI			
32	*	CHN LI, Jianhui	76(1) 62			
33						
34	*	CHN LIU, Bei	B. LIU			
35		CHN DUAN, Jiaqi	64 61			
36						
37	*	CHN WANG, Rui-Xuan	R. GHEDIN [5]			
38		5 ITA GHEDIN, Riccardo [5]	64 60			

ATP, Inc. © Copyright 2014

SEEDED PLAYERS	RANK	PRIZE MONEY	POINTS	ALTERNATES	REASON	RETIREMENTS/WO	REASON
1 VENUS, Michael	373	QUALIFIER	\$0	5			
2 LANGER, Nils	400	FINALIST	\$0	0			
3 SORENSEN, Louk	408	2nd ROUND	\$0	0			
4 MATSUI, Toshihide	444	FOLLOW LIVE SCORING AT www.ATPWorldTour.com					
5 GHEDIN, Riccardo	507						
6 GRASSI, Claudio	512						
7 ROELOFSE, Ruan	735						
8 GONG, Mao-Xin	824						
LAST DIRECT ACCEPTANCE				2 Bys	CHALLENGER SUPERVISOR		Ed Hardisty